

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2025
“V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - PHÚ THỌ

- **Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông

2. Ông Văn Tiến Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Oanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2025, về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; HKTT: Tổ 4, phường P, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: Thôn Chùa, xã V, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Chùa, xã V, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 10 năm 2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn T kết hôn với nhau ngày 19/11/2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở hoàn T tự nguyện và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Việc kết hôn của chị và anh T là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh T tại thôn Chùa, xã V, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu, quan hệ vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2014, giữa chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong các vấn đề của đời sống gia đình như nuôi dạy con, quản lý kinh tế và sinh hoạt hằng ngày, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và đã nhiều lần sống ly thân. Mặc dù hai bên đã nhiều lần trao đổi, tìm cách hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng tình cảm không được cải thiện. Từ năm 2023 đến nay, chị và anh T sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc hay thực hiện nghĩa vụ vợ chồng đối với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 17/02/2014 và Phạm Trường Giang, sinh ngày 06/10/2016, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng vợ chồng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt trong T bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại Biên bản xác minh ngày 07/11/2025 tại Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh Phú Thọ thể hiện:

Chị T và anh T đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường cũ (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị. Chị T có nguyện vọng ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Vợ chồng chị T, anh T có 02 con chung là cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 17/02/2014 và Phạm Trường Giang, sinh ngày 06/10/2016, hiện đang do chị T, anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng và công nợ của vợ chồng, địa phương không nắm rõ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án và thu thập chứng cứ, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T.
- Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 17/02/2014 và Phạm Trường Giang, sinh ngày 06/10/2016. Hiện cháu Bảo, cháu Giang đang ở cùng chị T, anh T. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.
- Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Phạm Văn T. Bị đơn anh T cư trú tại thôn Chùa, xã V, tỉnh Phú Thọ. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 85/2025/QH15 năm 2025).

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh Phạm Văn T, nhưng anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 19/11/2012 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở hoàn T tự nguyện, có tìm hiểu, không bị ép buộc, cưỡng ép kết hôn, phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, ly thân nhiều lần, lần gần nhất là từ năm 2023. Mặc dù đã có thời gian sống xa nhau nhưng các bên không có biện pháp hòa giải, khắc phục mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh T biết việc chị T làm đơn xin ly hôn anh, Tòa án đã triệu tập và yêu cầu anh trình bày quan điểm của anh nhưng anh T không trình bày quan điểm, không đến Tòa án làm việc cũng như tham gia hòa giải, thể

hiện anh T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án, anh Phạm Văn T không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Như vậy, anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy, hiện nay hai con chung của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn T đang trực tiếp sinh sống cùng chị T từ khi được sinh ra cho đến nay; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị T có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung, đồng thời có đủ điều kiện về thời gian, thu nhập và khả năng chăm sóc con. Mặt khác, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao hai con chung cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quyền lợi về mọi mặt của các cháu, bảo đảm sự ổn định trong sinh hoạt, học tập và phát triển tâm sinh lý của con, phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị T tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Văn T cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Anh Phạm Văn T là người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp,

quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Gia Bảo, sinh ngày 17/02/2014 và Phạm Trường Giang, sinh ngày 06/10/2016. Hiện cháu Bảo, cháu Giang đang ở cùng chị T, anh T. Anh Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0002981 ngày 08/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 10 - Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã V, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Phượng